

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung của vợ
chồng khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 ngày 02 ngày 2022 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh M. Sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm A, Phú A, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh M trình bày như sau:

Về tình cảm, anh chị kết hôn từ năm 2006, có đi đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2006 do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi hết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, từ lâu đã phát sinh mâu thuẫn nhưng vẫn cố gắng chung sống vì các con, vì gia đình. Những năm gần đây, mâu

thuần gia đình ngày càng trầm trọng, năm 2017 chị đã chuyển khẩu về Nam Định để làm việc. Cuối năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, đỉnh điểm đến tết năm 2022, anh Q có hành vi đe dọa, đánh đập, đập phá, chửi bới ở Hưng Yên (nơi vợ chồng làm việc). Trong thời gian hôn nhân, vợ chồng có nhiều bất đồng do anh Q không tu trí làm ăn, rượu chè, lơ đãng làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng nhiều tranh cãi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị xác định không thể cố gắng chung sống thêm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung, anh có 02 con chung là cháu Phan Hoàng N, sinh ngày 13/5/2007 và cháu Phan Quang M2, sinh ngày 12/01/2016. Trong thời gian vợ chồng chị đi làm, cháu N ở với ông bà nội còn cháu M2 thì đi cùng bố mẹ. Gần đây, khi dịch bệnh phức tạp, chị có đưa cháu M2 lên Sơn La ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Từ trước đến nay, anh Q ít khi đưa tiền cho chị nuôi con. Hiện tại, chị đang làm công nhân tại Hưng Yên, thu nhập bình quân là 9.000.000VNĐ. Vì vậy, chị có khả năng nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phan Văn Q trình bày:

Về tình cảm, anh xác định anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chỉ được một thời gian thì tiếp tục mâu thuẫn. Đến cuối năm 2021, chị M đã bỏ đi khỏi nhà ở đâu không ai biết, đồng thời chặn hết tất cả các phương thức liên lạc, anh không có cơ hội hàn gắn tình cảm với chị M. Nay chị M có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí. Anh cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị quay lại đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái.

Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Phan Hoàng N, sinh ngày 13/5/2007 và cháu Phan Quang M2, sinh ngày 12/01/2016. Hiện tại cả hai cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Hiện tại, anh đang làm lao động tự do mảng xây dựng, có nhà ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng 01 ngôi nhà cấp bốn làm trên diện tích đất của bố mẹ đẻ. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Q vẫn có nguyện vọng đoàn tụ với chị M. Nếu chị M cương quyết thì anh cũng nhất trí nhưng có yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung,

không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác M2 về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh Q và chị M tại Ban quản lý Tiểu khu C, thị trấn H và đại diện gia đình anh Q. Đồng thời, ghi ý kiến của con chung trên 7 tuổi về nguyện vọng của cháu muốn ở với ai.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thanh M và anh Phan Văn Q. Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng N, sinh ngày 13/5/2007 và cháu Phan Quang M2, sinh ngày 12/01/2016 cho anh Phan Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng cùng anh Q do anh Q không yêu cầu. Về tài sản chung vợ chồng và nợ chung: Đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Phan Văn Q có nơi

cư trú tại Tiểu khu 11, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn lần thứ hai nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Thanh M.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị Thanh M và anh Phan Văn Q kết hôn với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND **thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày **10/5/2006**. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng, anh Q không tu trí làm ăn, rượu chè, lơ đãng làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng nhiều tranh cãi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến năm 2021, anh Q đã có hành vi đánh chị và đập phá đồ đạc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với anh Q, anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng và bản thân vẫn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M. Anh cho rằng chị M chặn các phương thức liên lạc nên không thể hàn gắn tình cảm được. Do đó, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Quá trình xác M2 tình trạng hôn nhân tại địa phương thể hiện anh Q và chị M thường xuyên đi làm ăn xa. Đại diện gia đình cũng xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn cách đây khoảng 03 năm nhưng không biết lý do cụ thể. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng chị M đều có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt. Bản thân anh Q có nguyện vọng muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị M cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị M đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thanh M và anh Phan Văn Q.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh Q có 02 con chung là cháu Phan Hoàng N, sinh ngày 13/5/2007 và cháu Phan Quang M2, sinh ngày 12/01/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Tại biên bản làm việc ghi nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, cháu N có nguyện vọng ở cùng với bố và ông bà nội.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Hoàng Thị Thanh M có hộ khẩu thường trú tại Nam Định, nhưng hiện đang làm công nhân ở công ty may mặc tại Hưng Yên. Anh Q hiện đang lao động tự do, không có căn cứ chứng M2 thu nhập cụ thể

nhưng có nhà ở ổn định, có ông bà nội giúp chăm sóc các con. Chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu, do không muốn tách hai con. Cháu N có nguyện vọng được ở cùng với bố. Tại phiên tòa, anh Q không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ. Do đó, để quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần chấp nhận nguyện vọng của cháu N, giao cháu Phan Hoàng N, sinh ngày 13/5/2007 và cháu Phan Quang M2, sinh ngày 12/01/2016 cho anh Phan Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ do anh Q không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung. Anh Q cho rằng vợ chồng anh chị có 01 ngôi nhà cấp bốn làm trên đất của bố mẹ để anh. Tuy nhiên, anh Q không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị M và anh Q đều xác nhận không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thanh M và anh Phan Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hoàng N, sinh ngày 13/5/2007 và cháu Phan Quang M2, sinh ngày 12/01/2016 cho anh Phan Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc anh Phan Văn Q không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Sau khi ly hôn, chị M được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị M và anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001514 ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tráng A Tênh